TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2019.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Đặng Thị Vui
- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí , tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, Sinh năm 1970.
Địa chỉ: Tổ 2B, khu 1, phường Q Tr, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình V, Sinh năm 1968.
Địa chỉ: Tổ 2B, khu 1, phường Q Tr, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án nhận ngày 08/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xử án vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Đình V tự nguyện kết hôn ngày 11/01/1991, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà riêng, tại phường N Kh, sau đó chuyển đến ở tại số nhà 37, tổ 2B, khu 1, phường Q Tr, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được 02 năm, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân cơ bản do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên đánh cãi

chửi nhau, ngày 26/6/2019 anh V đã hành hung đánh đập chị gây thương tích, từ đó chị X bỏ ra ngoài sống ly thân với anh V. Nay, chị X xác định thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị X xin được ly hôn với anh V.

- *Về con chung*: Chị X và anh V có 02 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 15/3/1992 và Nguyễn Nhật Tr, sinh ngày 12/10/1995. Con chung hiện đủ tuổi thành niên, đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và khoản nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân thành phố Uông Bí đã triệu tập và đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh V nhiều lần nhưng anh V không đến Toà án để giải quyết vụ án nên không thể hiện được quan điểm của mình. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Ngày 01/10/2019, Toà án nhân dân thành phố Uông Bí đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị X và anh V. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Viên vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa ngày 17/10/2019 anh V vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 12/8/2019 lập tại tổ 2B, khu 1, phường Q Tr, thành phố U B, đại diện khu phố cho biết: Sau khi kết hôn chị X và anh V sống chung với nhau tại nhà riêng, tại tổ 2B, khu 1, phường Q Tr, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của chị X và anh V trong thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây anh chị thường xuyên to tiếng cãi nhau, thậm chí đánh cãi xúc phạm nặng nề tới nhau. Hiện chị X không còn sống chung với anh V và thuê nhà ra ở riêng sống ly thân, cho đến nay chưa thấy chị X quay về sống chung với anh V. Mặc dù, mâu thuẫn vợ chồng chị X và anh V không báo chính quyền địa phương để tổ chức hòa giải, nhưng địa phương nắm được mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng anh chị là trầm trọng và mong anh chị suy nghĩ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng anh chị cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X.

Về con chung: Chị X và anh V có 02 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 15/3/1992 và Nguyễn Nhật Tr, sinh ngày 12/10/1995. Con chung hiện đủ tuổi thành niên, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị Trần Thị X và anh Nguyễn Đình V đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố U B tỉnh Quảng Ninh, vì vậy nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí là có cơ sở để xem xét, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị X, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Đình V vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Đình V tự nguyện kết hôn năm 1991, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh V tồn tại nhưng không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay xảy ra cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn đã lâu, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau, trong quá trình chung sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không còn có trách nhiệm với nhau, đến nay vợ chồng không thể hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Qua xác minh tại địa phương cho biết, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh V: Cuộc sống chung của chị X và anh V trong thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây anh chị thường xuyên to tiếng cãi nhau, thậm chí đánh cãi xúc phạm nặng nề tới nhau. Hiện chị X không còn sống chung với anh V và thuê nhà ra ở riêng sống ly thân, cho đến nay chưa thấy chị X quay về sống chung với anh V. Mặc dù, mâu thuẫn vợ chồng chị X và anh V không báo chính quyền địa phương để tổ chức hòa giải, nhưng địa phương nắm được mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng anh chị là trầm trọng và mong anh chị suy nghĩ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng anh chị cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị X và anh Nguyễn Đình V thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị Trần Thị X được ly hôn anh Nguyễn Đình V để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị X và anh V có 02 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 15/3/1992 và Nguyễn Nhật Tr, sinh ngày 12/10/1995. Con chung hiện đủ tuổi thành niên, đã trưởng thành, nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản và khoản nợ chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Trần Thị X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị X đối với anh Nguyễn Đình V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Đình V.

2. Về án phí: Chị Trần Thị X phải nộp vào ngân sách nhà nước 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000949 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Đình V vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- UBND phường Th S,
TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Phúc Định